

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 11/7/2019
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Bá Bấy**
2. Ông **Võ Thanh Đức**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Dương Ngọc Đoan T** – sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 26C/7 đường 210, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông **Lê Hoàng Q** – sinh năm 1985. (Vắng mặt không lý do)

Địa chỉ: Khu phố 6, phường Tân An, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con ngày 19.3.2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, bà Dương Ngọc Đoan T – nguyên đơn trình bày:

Bà Dương Ngọc Đoan T và ông Lê Hoàng Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hiệp Phú, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 116, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 26/10/2015. Vợ chồng bà T từng sống chung với gia đình ông Q tại khu phố 6, phường Tân An, thị xã L một thời gian, sau đó chuyển vào sống chung với gia đình bà T tại thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Không lâu sau đó, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Q sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, tự ý bỏ công việc, không chịu đi làm mặc dù đã được vợ và gia đình vợ tạo điều kiện. Ngoài ra, ông Q không đóng góp vào chi phí sinh hoạt của gia đình. Khi bà T góp ý thì ông Q gây gổ và đánh bà T. Vợ chồng bà T đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, không còn chăm sóc, liên hệ với nhau nữa. Do mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà Dương Ngọc Đoan T yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông Q có 01 con chung là Lê Dương Bảo A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/7/2017, hiện bà T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà Dương Ngọc Đoan T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019, ông Lê Hoàng Q – bị đơn trình bày:

Ông Q thừa nhận về việc kết hôn, con chung. Giữa vợ chồng ông không có mâu thuẫn gì. Sau một thời gian sống chung với cha mẹ vợ, nhận thấy gia đình cha mẹ vợ rất khó khăn, ông Q không sống chung được nên phải thuê nhà ở riêng. Được vài tháng, ông Q nhập viện điều trị bệnh tâm thần, lúc này chỉ có cha mẹ ông Q hỗ trợ điều trị và chăm sóc, bản thân bà T và gia đình vợ không hề quan tâm. Vợ chồng đã không còn chung sống khoảng 01 năm nay. Ông Q theo đạo Thiên chúa nên không đồng ý ly hôn vì không muốn trái luật đạo. Bà T yêu cầu ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Q không chấp hành.

Qua xác minh từ người thân thì giữa vợ chồng bà T, ông Q có tồn tại mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã không còn sống chung cũng như không chăm sóc, quan tâm nhau. Bà Lê Thị Ngọc Đ, mẹ ruột bà Dương Ngọc Đoan T đánh giá mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân rất khó hàn gắn. Về phía ông Lê Thanh A, cha ruột của ông Lê Hoàng Q xác định mâu thuẫn xuất phát từ việc gia đình bà T

gây áp lực.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn – ông Lê Hoàng Q vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Ngọc Đoan T.

- Về con chung: Giao bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Lê Dương Bảo A, sinh ngày 25/7/2017, bà Trang không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Ông Lê Hoàng Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Bà Dương Ngọc Đoan T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn, nuôi con của bà Dương Ngọc Đoan T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Lê Hoàng Q vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của bà Dương Ngọc Đoan T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Dương Ngọc Đoan T và ông Lê Hoàng Q là hôn nhân hợp pháp. Giữa vợ chồng bà T có tồn tại mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà T là do ông Q không quan tâm, chăm sóc cho vợ con, không đóng góp vào chi phí sinh hoạt chung. Phía ông Q cho rằng thực chất vợ chồng không mâu thuẫn nhưng do gia đình bà T gây áp lực khiến bà T yêu cầu ly hôn, quá trình ông Q điều trị bệnh, gia đình bà T và bà T cũng không quan tâm, chăm sóc gì. Theo kết quả xác minh thì giữa bà T và ông Q có xảy ra mâu thuẫn, cả hai đã không còn chung sống, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Về phía nguyên đơn, tại phiên

tòa, bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, giữa bà T và ông Q đã không tìm được giải pháp nào để cải thiện hôn nhân, cả hai đều không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa bà T và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Ngọc Đoan T là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con của bà Dương Ngọc Đoan T, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đến việc đảm bảo quyền lợi cho con về mọi mặt. Xét về điều kiện việc làm, bà T có công việc, có thu nhập đảm bảo việc nuôi con và chăm sóc con. Từ khi vợ chồng không sống chung, bà T là người nuôi con và vẫn nuôi con tốt. Vì vậy, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Lê Dương Bảo A, sinh ngày 25/7/2017 là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu, nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Dương Ngọc Đoan T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Ngọc Đoan T.

Bà Dương Ngọc Đoan T được ly hôn với ông Lê Hoàng Q.

2. Về con chung: Giao cho bà Dương Ngọc Đoan T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Lê Dương Bảo A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/7/2017. Bà Trang không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Hoàng Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Dương Ngọc Đoan T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0022147 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà Dương Ngọc Đoan T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

